

Số: 682/2022/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 02 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH H**

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 661/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Nguyễn B, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn L xã H, thành phố H, tỉnh H.
2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn L, xã H, thành phố H tỉnh H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hôn nhân: Ông Nguyễn B và bà Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh H vào ngày 04/04/1983. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn L, xã H, thành phố H, tỉnh H. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc cho đến năm 2014 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống vợ chồng ngày một căng thẳng mà không có hướng khắc phục. Ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên cùng gửi đơn đến yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông Nguyễn B và bà Nguyễn Thị H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn B và bà Nguyễn Thị H xác nhận vợ chồng có 06 con chung là các cháu Nguyễn Thị Thúy H, sinh ngày 22/10/1985; Nguyễn Thị Thúy V, sinh ngày 17/9/1987; Nguyễn Thị T, sinh ngày 20/4/1990; Nguyễn Thị Thúy V,

sinh ngày 10/11/1993; Nguyễn Thị Thúy N, sinh ngày 14/5/1995 và Nguyễn Bảo T, sinh ngày 31/7/2007. Hiện nay cháu Nguyễn Bảo T đang ở với bà Nguyễn Thị H và có nguyện vọng được tiếp tục ở với bà Nguyễn Thị H. Nay thuận tình ly hôn ông Nguyễn B và bà Nguyễn Thị H thỏa thuận giao cháu Nguyễn Bảo T cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Bảo T trưởng thành, đủ 18 tuổi; bà Nguyễn Thị H không yêu cầu ông Nguyễn B cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau khi ly hôn. Cháu Nguyễn Thị Thúy N đã chết vào ngày 04/9/2020 (Đăng ký khai tử số 47 ngày 24/11/2020 tại UBND xã H); còn các cháu Nguyễn Thị Thúy H, Nguyễn Thị Thúy V, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Thúy V đã trưởng thành nên ông Nguyễn B và bà Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị H tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên cần áp dụng Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận về nuôi con chung của ông, bà.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 25 tháng 10 năm 2022, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn B và bà Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 31/7/2007 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Bảo T trưởng thành, đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn B không cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn: Ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu

công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí mà ông Nguyễn B, bà Nguyễn Thị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004516 ngày 06 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh H
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND xã H, thành phố H (Ông B, bà H ĐKKH số: 122; quyển số: 01 ngày 04/4/1983);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;
- Lưu dán.

**THẨM PHÁN**

( Đã ký)

**Huỳnh Trọng Cẩn**